

**TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI**

\*

Số 4519-CV/TU

*Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện  
Kết luận số 114-KL/TW ngày 14/7/2015  
của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI)*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 6 năm 2020*

*Kính gửi:* - Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh,  
- Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh,  
- Ban Dân vận Tỉnh ủy,  
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,

-----

Thực hiện Công văn số 3163-CV/BDVTW ngày 05/6/2020 của Ban Dân vận Trung ương về việc báo cáo đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan Nhà nước các cấp (viết tắt là Kết luận số 114-KL/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu:

1. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh; Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh; các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng Báo cáo đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW. Báo cáo cần đánh giá rõ kết quả đạt được, những cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả; những mặt còn tồn tại, hạn chế, xác định rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan và rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện. Đồng thời đề xuất, kiến nghị những giải pháp cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp trong thời gian tới (có Đề cương báo cáo gửi kèm theo).

Báo cáo gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Dân vận Tỉnh ủy) trước ngày **15/7/2020**.

2. Giao Ban Dân vận Tỉnh ủy tổng hợp, xây dựng Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW, trình Thường trực Tỉnh ủy trước ngày **27/7/2020**.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Các đ/c trong BTV Tỉnh ủy,
- C, PCVPTU; P. Tổng hợp,
- Phòng DVCQ và ĐT, BDVTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Bùi Thị Quỳnh Vân**

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**  
**Kết quả 5 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW**  
**ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI)**  
**về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan Nhà nước các cấp**  
*(Kèm theo Công văn số 4519-CV/TU ngày 23/6/2020*  
*của Ban Thường vụ Tỉnh ủy )*

-----

Khái quát đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; tổ chức và hoạt động của các cơ quan Nhà nước; những yếu tố tác động ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai thực hiện Kết luận số 114-KL/TW ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan Nhà nước các cấp (Kết luận số 114-KL/TW).

**A. KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 114-KL/TW**

**I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI**

1. Công tác quán triệt, triển khai Kết luận số 114-KL/TW gắn với các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan Nhà nước các cấp.

2. Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Kết luận số 114-KL/TW.

3. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kết luận số 114-KL/TW.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 114-KL/TW CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÁC CẤP**

1. Công tác thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác dân vận thành cơ chế, chính sách.

1.1. Việc xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trên các lĩnh vực đời sống xã hội; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Đánh giá kết quả cụ thể hóa của cơ quan Nhà nước ở địa phương (Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân).

1.2. Việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật và tác động của chính sách, pháp luật đến sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và đời sống Nhân dân.

2. Việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác dân vận của các cơ quan Nhà nước các cấp, gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức.

3. Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan Nhà nước, nhất là việc lấy ý kiến cộng đồng, ý kiến phản biện đối với các quy hoạch, dự án đầu tư; việc phát huy vai trò của Nhân dân tham gia quản lý xã hội, giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức.

4. Kết quả thực hiện công tác tiếp dân, đối thoại, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo, các vụ khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài

4.1. Kết quả thực hiện công tác tiếp dân (*nêu rõ số lượng tiếp định kỳ và đột xuất*).

4.2. Kết quả xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4.3. Công tác đối thoại của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với người dân và cán bộ, công chức.

4.4. Kết quả giải quyết các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài.

5. Kết quả thực hiện cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến phục vụ người dân (*bao nhiêu sở, ngành, địa phương đã thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa theo hướng hiện đại; bao nhiêu sở, ngành, địa phương đã thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4...*); việc thực hiện các quy định về đạo đức công vụ, văn hóa công sở, tác phong làm việc, quy tắc ứng xử của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

6. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) "*Về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*" và Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) "*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*".

7. Kết quả triển khai các phong trào thi đua yêu nước, nhất là phong trào "*Dân vận khéo*" lĩnh vực dân vận các cơ quan Nhà nước gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (*Nêu rõ từng mô hình cụ thể*).

8. Công tác phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện công tác dân vận. Tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội và góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Về những kết quả đạt được

2. Những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

### **B. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI**

### **C. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**TỔNG HỢP SỐ LIỆU 5 NĂM THỰC HIỆN  
KẾT LUẬN SỐ 114-KL/TW**  
(Kèm theo Báo cáo đánh giá 5 năm)

-----

1. Số văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác dân vận của cơ quan Nhà nước sau khi có Kết luận số 114-KL/TW

<b>Văn bản của Đảng đoàn HĐND, BCS đảng UBND tỉnh; văn bản của huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy</b>	<b>Văn bản của cơ quan Nhà nước, chính quyền cấp tỉnh, huyện, xã</b>
- Nghị quyết: - Chỉ thị: - Kế hoạch, chương trình: - Công văn:	- Nghị quyết: - Chỉ thị: - Kế hoạch, chương trình: - Công văn:

2. Chức danh cán bộ cơ quan Nhà nước được phân công phụ trách công tác dân vận

<b>UBND tỉnh</b>	<b>UBND huyện, thị, thành phố, sở, ngành</b>	<b>UBND xã, phường, thị trấn</b>
- Cấp trưởng: - Cấp phó: - Khác:	- Cấp trưởng: - Cấp phó: - Khác:	- Chủ tịch: - Phó Chủ tịch: - Khác:

3. Công tác kiểm tra việc thực hiện Kết luận số 114-KL/TW (cộng 5 năm)

<b>Cấp tỉnh</b>			
<b>Năm</b>	<b>Số Đoàn KT</b>	<b>Số cuộc KT</b>	<b>Số đơn vị KT</b>
<b>2015</b>			
<b>2016</b>			
<b>2017</b>			
<b>2018</b>			
<b>2019</b>			
<b>2020</b>			
<b>Cộng</b>			

4. Kết quả cải cách hành chính

4.1. Cải cách thủ tục hành chính

<b>Thủ tục hành chính được cắt giảm</b>		<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>	
Tỷ lệ thủ tục HC được cắt giảm so với năm 2015 (...%)	Số điều kiện kinh doanh được cắt giảm so với năm 2015 (chiếm ... %)	Mức độ 3 (... TT = ... %)	Mức độ 4 (... TT = ... %)

#### 4.2. Tình hình biên chế

Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh
Đã giảm ...% so với năm 2015	Đã giảm ...% so với năm 2015	Đã giảm ...% so với năm 2015

### 5. Kết quả xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo (cộng 5 năm)

#### 5.1. Đơn thư khiếu nại

Đơn vị	Tiếp nhận, giải quyết				Vụ việc khởi kiện ra tòa			
	Số lượng đơn thư đã tiếp nhận (đơn)	Số đơn thư thuộc thẩm quyền giải quyết (đơn)	Số đơn thư đã giải quyết (đơn); đạt tỷ lệ %	Số đơn thư tồn đọng (đơn); chiếm tỷ lệ %	Tổng số (vụ việc)	Tòa giữ nguyên QĐ (vụ việc = ...%)	Tòa hủy QĐ (vụ việc = ... %)	Bổ sung, sửa đổi QĐ (vụ việc = ... %)
Cấp tỉnh								
Cấp huyện								
Cấp xã								

#### 5.2. Đơn thư tố cáo

Đơn vị	Số lượng đơn thư đã tiếp nhận (đơn)	Số đơn thư thuộc thẩm quyền giải quyết (đơn)	Số đơn thư đã giải quyết (đơn); đạt tỷ lệ %	Số đơn thư tồn đọng (đơn); chiếm tỷ lệ %
Cấp tỉnh				
Cấp huyện				
Cấp xã				

### 6. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện Luật tiếp công dân trung bình hàng năm

Chủ tịch UBND huyện (GD sở, ngành)			Chủ tịch UBND tỉnh		
Số lần tiếp định kỳ (lượt)	Số lần tiếp đột xuất (lượt)	Số cuộc đối thoại (cuộc)	Số lần tiếp định kỳ (lượt)	Số lần tiếp đột xuất (lượt)	Số cuộc đối thoại (cuộc)

### 7. Kết quả công tác hòa giải ở cơ sở (cộng 5 năm)

Số lượng vụ, việc hòa giải	Số vụ, việc hòa giải thành công; đạt tỷ lệ ... %

**8. Về giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài ở địa phương (cộng 5 năm)**

<b>Kết quả giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài</b>				<b>Kết quả giải quyết các vụ việc "Tổ công tác của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ chỉ đạo từ năm 2019" (nếu có)</b>		
Tổng số vụ việc	Số vụ việc đã giải quyết dứt điểm (vụ); đạt tỷ lệ %	Số vụ việc tồn đọng (vụ); chiếm tỷ lệ %	Số vụ việc cần TW hỗ trợ (vụ); chiếm tỷ lệ %	Tổng số vụ việc	Số vụ việc đã giải quyết dứt điểm (vụ); đạt tỷ lệ %	Số vụ việc tồn đọng (vụ); chiếm tỷ lệ %
Cấp tỉnh						
Cấp huyện						
Cấp xã						

**9. Số điển hình "Dân vận khéo" của các cơ quan Nhà nước (cộng 5 năm)**

<b>Cấp tỉnh</b>		<b>Cấp huyện</b>		<b>Cấp xã</b>	
Điển hình tập thể	Điển hình cá nhân	Điển hình tập thể	Điển hình cá nhân	Điển hình tập thể	Điển hình cá nhân

-----